

Số: /SNNMT-KL

Lai Châu, ngày tháng 01 năm 2026

V/v triển khai áp dụng khung giá rừng
trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Kính gửi:

- Các sở, ban ngành tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Thực hiện Quyết định số 3115/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc định khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu (gửi kèm). Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị các sở, ban ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Tổ chức phổ biến, quán triệt, truyền truyền Quyết định số 3115/QĐ-UBND cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân bằng các hình thức phù hợp, đảm bảo dễ dàng tiếp cận, khai thác và sử dụng khi có nhu cầu.

2. Quá trình triển khai thực hiện đề nghị lưu ý một số điểm sau:

Khung giá rừng tại Quyết định số 3115/QĐ-UBND là khung giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân, gồm: Rừng tự nhiên, rừng trồng do Nhà nước đầu tư toàn bộ; khung giá rừng là khoảng giá rừng tối thiểu, tối đa của các loại rừng định giá.

Loại rừng được xác định theo quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024.

Đối với từng trường hợp cụ thể cần định giá rừng, cơ quan chức năng có liên quan phải tổ chức định giá rừng theo quy định, giá rừng sau khi định giá phải đảm bảo phù hợp với khung giá rừng tại Quyết định số 3115/QĐ-UBND, cụ thể:

2.1. Định giá rừng trong trường hợp cho thuê rừng: Thực hiện theo Điều 10 (đối với rừng tự nhiên), Điều 19 (đối với rừng trồng) Thông tư số 20/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương pháp định giá rừng; hướng dẫn định khung giá rừng.

2.2. Định giá rừng trong trường hợp xác định giá trị phải bồi thường khi có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đối với rừng; cháy rừng và các thiệt hại khác đối với rừng

a) Định giá rừng đối với diện tích rừng còn hiện trạng: Thực hiện theo Điều 11 (đối với rừng tự nhiên), Điều 20 (đối với rừng trồng) Thông tư số 20/2023/TT-BNNPTNT.

b) Định giá rừng đối với diện tích rừng không còn hiện trạng:

Đối với diện tích rừng cần định giá rừng nhưng không còn hiện trạng rừng do cháy, phá, sạt lở... căn cứ kết quả điều tra thực tế; hồ sơ, tài liệu, kết quả quản lý, theo dõi diễn biến rừng mới nhất của diện tích rừng đó để xác định trạng thái, loại rừng (đối với rừng tự nhiên); hồ sơ thiết kế trồng rừng được phê duyệt, hồ sơ giao rừng, hồ sơ quản lý, theo dõi diễn biến rừng mới nhất của diện tích rừng đó để xác định thông tin về loài cây trồng, năm trồng (đối với rừng trồng).

- Trường hợp hiện trường còn cây đứng đã chết (do cháy, bóc vỏ, ken cây) hoặc cây đã bị chặt hạ nhưng chưa bị di chuyển đi nơi khác và còn cả gốc, rễ, thân, cành, lá:

+ Đo tính khối lượng cây gỗ: Thực hiện theo Phụ lục I Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

+ Đo đếm cây tre nứa: Đếm toàn bộ số cây thuộc nhóm cây tre nứa có trên hiện trường.

Đối chiếu trữ lượng gỗ, mật độ tre nứa xác định, đo đếm được với Phụ lục VI Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm để xác định trạng thái rừng.

- Trường hợp hiện trường chỉ còn gốc cây:

+ Đo tính khối lượng cây gỗ: Thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13459:2021 - Phương pháp xác định thể tích thân cây gỗ từ đường kính gốc.

+ Đo đếm cây tre nứa: Đếm toàn bộ số gốc cây thuộc nhóm cây tre nứa có trên hiện trường.

Đối chiếu trữ lượng gỗ, mật độ tre nứa xác định, đo đếm được với Phụ lục VI Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT để xác định trạng thái rừng.

- Trường hợp hiện trường đã bị san ủi, đào bới, vùi lấp không còn cây rừng và gốc cây rừng:

Xác định trạng thái rừng trên cơ sở kết quả theo dõi diễn biến rừng gần nhất đã được công bố, phê duyệt đối với diện tích rừng đó. Cơ quan có thẩm quyền lập, phê duyệt và công bố kết quả theo dõi diễn biến rừng chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả theo dõi diễn biến rừng đã phê duyệt, công bố.

2.3. Định giá rừng khi thu hồi rừng; xác định giá trị góp vốn; cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước: Thực hiện theo Điều 12 (đối với rừng tự nhiên), Điều 21 (đối với rừng trồng) Thông tư số 20/2023/TT-BNNPTNT.

2.4. Định giá rừng để tính thuế, phí và lệ phí liên quan đến rừng: Thực hiện theo Điều 13 (đối với rừng tự nhiên), Điều 22 (đối với rừng trồng) Thông tư số 20/2023/TT-BNNPTNT.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để hướng dẫn hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Trang tin điện tử Sở (để đăng tải);
- Lưu: VT, KL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thành Đồng